

## KẾ HOẠCH

### Triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2015

Thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác đảm bảo an toàn thực phẩm và phòng chống ngộ độc thực phẩm trong tình hình mới và Kế hoạch số 07/KH-BCĐTUVSATTP ngày 17/3/2015 của Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về sinh an toàn thực phẩm về việc triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành kế hoạch triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2015 (sau đây gọi tắt là Tháng hành động) như sau:

#### **I. CHỦ ĐỀ: Sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng rau, thịt an toàn.**

#### **II. MỤC TIÊU**

1. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền cơ sở các cấp, người quản lý; nhận thức, ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm đối với rau, thịt là sản phẩm tiêu dùng hàng ngày.

2. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra bảo đảm an toàn thực phẩm rau, thịt tại các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, nhập khẩu, lưu thông, buôn bán thực phẩm, đặc biệt là các chợ đầu mối, chợ huyện, thành phố và các điểm chợ.

3. Giảm thiểu ngộ độc thực phẩm từ rau, thịt mất an toàn thực phẩm

#### **III. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI**

- Thời gian: 15/4/2015 đến 15/5/2015.

- Phạm vi triển khai: Trên phạm vi toàn tỉnh.

#### **IV. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU:**

1. Tổ chức Lễ phát động Tháng hành động năm 2015 (phụ lục 1):

a) Cấp tỉnh: Sở Y tế - Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo liên ngành thành phố Đà Lạt tổ chức Lễ phát động Tháng hành động năm 2015 tại Khu Hòa Bình trong thời gian từ ngày 10 - 15/4/2015.

b) Cấp huyện: Tùy theo tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Y tế chủ trì, phối hợp với các phòng, ban và đoàn

thể cấp huyện tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Tháng hành động trên địa bàn trong thời gian từ ngày 10 - 15/4/2015.

## 2. Triển khai chiến dịch truyền thông (phụ lục 2):

a) Tại cấp tỉnh: Sở Y tế phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo, đài, truyền thông cơ động và các buổi nói chuyện chuyên đề.

b) Tại cấp huyện: Ngành Y tế phối hợp với các phòng, ban, ngành tổ chức tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo đài địa phương; đặc biệt, huy động hệ thống loa truyền thanh xã, phường, thị trấn tham gia.

### c) Nội dung truyền thông:

Tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức, kiến thức, thái độ, thực hành vệ sinh an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân sản xuất, sơ chế, giết mổ, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu, kinh doanh rau, thịt; ban quản lý chợ, siêu thị, chợ đầu mối, khu du lịch, khu công nghiệp; làm rõ trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trong việc bảo đảm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn cách sản xuất, sơ chế, bảo quản và tiêu dùng rau, thịt an toàn; thực hiện tốt các quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất, phụ gia; vệ sinh cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ sơ chế, chế biến rau, thịt, vệ sinh cá nhân trong việc phòng ngừa ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm;

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh chịu trách nhiệm chuẩn bị tài liệu: Băng cassette, băng video “Thông điệp Tháng hành động năm 2015”; băng rôn với các khẩu hiệu của Tháng hành động năm 2015 và sản xuất tài liệu truyền thông cho địa phương.

## 3. Thanh tra, kiểm tra liên ngành trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2015 (phụ lục 3):

### a) Tại cấp tỉnh:

Sở Y tế - Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành cấp tỉnh căn cứ Kế hoạch này và các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế, các bộ, ngành liên quan, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra Tháng hành động tại địa phương và triển khai thực hiện từ tuyến tỉnh tới tuyến huyện, xã phường, thị trấn; chuẩn bị báo cáo của địa phương và chủ trì làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra của Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm Trung ương; tổ chức 02 đoàn thanh tra, kiểm tra theo các nội dung hướng dẫn.

Các đoàn thanh tra, kiểm tra phải có thành phần đủ quyền lực và chuẩn bị đầy đủ các văn bản có liên quan, mẫu biểu thanh, kiểm tra thống nhất, chuẩn bị dụng cụ lấy mẫu, dụng cụ kiểm tra nhanh, xử lý kịp thời các vi phạm.

b) Tại cấp huyện:

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh hướng dẫn các địa phương triển khai Tháng hành động năm 2015.

Phòng Y tế phối hợp với các phòng, ban liên quan xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra Tháng hành động tại địa phương từ cấp huyện đến cấp xã; chuẩn bị nội dung báo cáo của địa phương, phối hợp với các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh.

4. Công tác báo cáo tổng kết Tháng hành động (phụ lục 4):

Kết thúc Tháng hành động, Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm các huyện, thành phố báo cáo kết quả hoạt động về cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Lâm Đồng trước ngày 20/5/2015.

(Bộ phận tổng hợp: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Lâm Đồng - Số 04 Lê Hồng Phong, thành phố Đà Lạt; điện thoại: 063.3542435; fax: 063.3542434; email: lamdongattp@gmail.com)

## V. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

1. Cơ quan chủ trì:

a) Tại cấp tỉnh:

- Ủy ban nhân dân tỉnh (Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm).

- Sở Y tế là cơ quan thường trực.

b) Tại các huyện, thành phố:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện (Ban Chỉ đạo liên ngành cùng cấp).

- Phòng Y tế là cơ quan thường trực.

c) Tại xã, phường, thị trấn:

- Ủy ban nhân dân cấp xã (Ban Chỉ đạo liên ngành cùng cấp).

- Trạm Y tế là cơ quan thường trực.

2. Cơ quan phối hợp:

a) Tại cấp tỉnh:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Lâm Đồng.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Tỉnh Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng; ...

b) Tại cấp huyện/thành phố:

- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố.
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể tại địa phương.

c) Tại xã, phường, thị trấn:

Các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương.

## VI. TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN

1. Xây dựng kế hoạch Tháng hành động năm 2015 và phân công tổ chức triển khai thực hiện.

- Tại cấp tỉnh: Trước 31/3/2015.
  - Tại cấp huyện, thành phố: Trước 05/4/2015.
2. Triển khai chiến dịch tuyên truyền: Từ 05/4 đến 15/5/2015.
4. Tổ chức Lễ phát động: Từ 10/4 đến 15/4/2015.
5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra: Từ 15/4 đến 15/5/2015.
6. Báo cáo, tổng kết: Từ 15/5 đến 20/5/2015.

## VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2015.

2. Kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương các cấp./.

### Nơi nhận:

- Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, VX<sub>3</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**





Phụ lục 1  
**Lễ phát động Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2015**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1498/KH-UBND ngày 04/4/2015)

## I. MỤC ĐÍCH

1. Mở đầu cho chiến dịch tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) trong Tháng hành động năm 2015.
2. Huy động các sở, ban, ngành, đoàn thể và toàn thể xã hội tham gia công tác đảm bảo ATTP; đẩy mạnh tuân thủ Luật An toàn thực phẩm và các quy định của pháp luật có liên quan.

## II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

- Thời gian dự kiến: Từ ngày 10/4 đến ngày 15/4/2015.
- Địa điểm dự kiến: Khu Hòa Bình - Thành phố Đà Lạt.

## III. CHƯƠNG TRÌNH LỄ PHÁT ĐỘNG

THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
7h30 - 8h00	Văn nghệ chào mừng.	Ban Tổ chức
8h00 - 8h05	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.	Ban Tổ chức
8h05 - 8h15	Phát biểu khai mạc Lễ phát động.	Lãnh đạo Sở Y tế
8h15 - 8h25	Phát biểu phát động Tháng hành động năm 2015.	Lãnh đạo UBND tỉnh
8h25 - 8h30	Phát biểu hưởng ứng của UBND thành phố Đà Lạt.	Lãnh đạo UBND thành phố Đà Lạt
8h30 - 8h40	Phát biểu hưởng ứng của lãnh đạo Chi cục Quản lý CL NLS và TS.	Lãnh đạo Chi cục Quản lý CL NLS và TS
8h40 - 8h45	Phát biểu hưởng ứng Tháng hành động của lãnh đạo Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Lâm Đồng.	Lãnh đạo Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Lâm Đồng
8h45 - 8h50	Phát biểu hưởng ứng Tháng hành động của đại diện cơ sở sản xuất rau hoặc thịt.	Đại diện cơ sở
8h50 - 9h00	Cắt bong bóng bay.	Đại diện UBND tỉnh, Thành phố, Sở Y tế.
9h00	Diễn hành cổ động.	

#### **IV. THÀNH PHẦN**

- Mời đại diện Thường trực Tỉnh uỷ;
- Mời đại diện Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ;
- Mời đại diện lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các thành viên trong BCD liên ngành VSATTP cấp tỉnh;
- Đại diện lãnh đạo UBND thành phố Đà Lạt;
- Đại diện các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức đoàn thể xã hội: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp; Công an tỉnh; Liên đoàn Lao động tỉnh; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ; Hội Nông dân; Tỉnh Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ người tiêu dùng; các đơn vị y tế tuyến tỉnh và TTYT Đà Lạt; các phòng, ban trực thuộc UBND thành phố Đà Lạt.

#### **V. ĐỘI HÌNH TỔ CHỨC**

- Khối ô tô, xe máy;
- Khối các ban, ngành, cơ quan đơn vị và nhân dân;
- Khối nghi thức.

#### **VI. HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG**

##### **1. Khối ô tô và xe máy:**

- Xe ô tô Công an dẫn đường;
- Ô tô thông tin văn hoá tuyên truyền cổ động;
- Các xe ô tô của các đơn vị: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh, TTYT Dự phòng, Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe, Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, TTYT thành phố Đà Lạt; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, và xe máy cụ thể:

- + Trung tâm Y tế dự phòng: 30 xe;
- + Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội: 10 xe;
- + Trung tâm Truyền thông GDSK: 05 xe;
- + Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS: 05 xe;
- + TTYT Đà Lạt: 20 xe;
- + Chi cục ATVSTP: 10 xe;
- + Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản: 15 xe.
- + Các cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc ngành Nông nghiệp quản lý: 15 xe;
- + Công ty TNHH Quảng Thái: 20 xe;

- + Trung tâm TNHH Vĩnh Tiến: 20 xe;
- + Khách sạn nhà hàng Đà Lạt Palace: 10 xe;
- + Siêu thị Big C Đà Lạt: 20 xe.

*(Tất cả các xe máy tham gia diễu hành có gắn cờ đuôi nheo).*

## 2. Khối đi bộ:

### a) Các cơ quan, ban, ngành:

- Công an: 20 người;
- Hội Nông dân thành phố Đà Lạt: 50 người;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Đà Lạt: 50 người;
- Sở Giáo dục và Đào tạo huy động 500 học sinh các trường;
- Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng huy động 100 sinh viên.

### b) Khối tiêu thương các chợ của thành phố Đà Lạt: 50 người.

## VII. LỘ TRÌNH DIỄU HÀNH

1. Khối ô tô và khối xe máy: Đi vòng qua khu Hoà Bình - Đường 3/2 - Trần Phú - Hồ Tùng Mậu - Trần Quốc Toản (qua cổng siêu thị Big C) - Trần Quốc Toản - Lê Đại Hành - Khu Hòa Bình - giải tán.

2. Khối đi bộ: Đi dọc qua khu vực Hòa Bình - Lê Đại Hành - Vòng bùng binh chợ - giải tán.

## VIII. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Công tác tổ chức lễ phát động: Ngành Y tế đảm nhiệm.

2. Trang trí lễ đài, sắp xếp đội hình, văn nghệ chào mừng, diễu hành: Trung tâm Thông tin văn hoá Lâm Đồng đảm nhiệm.

3. Bảo vệ trật tự an toàn giao thông tại khu vực lễ đài và các trục đường đoàn diễu hành đi qua: Ngành Công an đảm nhiệm.

Các sở, ban, ngành, cơ quan đơn vị có trách nhiệm bố trí lực lượng và phương tiện tham gia diễu hành theo kế hoạch./.

Phụ lục



**Hướng dẫn triển khai công tác tuyên truyền  
Thực hành động vì an toàn thực phẩm năm 2015**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1498/KH-UBND ngày 02/4/2015)

**I. CHỦ ĐỀ: Sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng rau, thịt an toàn.**

**II. NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG:**

- Tuyên truyền, hướng dẫn sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu dùng thực phẩm rau, thịt an toàn; nâng cao vai trò trách nhiệm, tầm quan trọng của việc thực hiện tốt các quy định bảo đảm an toàn sản xuất rau, thịt; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên rau, sử dụng chất cấm, thuốc kháng sinh trong chăn nuôi.

- Các hoạt động bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm rau, thịt trên địa bàn toàn tỉnh; biểu dương các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia các hoạt động bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm rau, thịt; đồng thời, phê phán, đưa tin các đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định pháp luật về bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm rau, thịt.

- Các vấn đề bức xúc, tồn đọng trong công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm; nêu rõ trách nhiệm của các nhà quản lý, các cấp chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và từng cá nhân, tập thể trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm.

- Tập trung tuyên truyền, hướng dẫn cho các đối tượng hiểu đúng, thực hiện đúng Luật An toàn thực phẩm, Nghị định hướng dẫn Luật An toàn thực phẩm, Thông tư quy định bảo đảm an toàn thực phẩm.

Đặc biệt, đưa nội dung tuyên truyền phù hợp từng nhóm đối tượng, cụ thể:

1. Người sản xuất, kinh doanh rau, thịt:

- Các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, các hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh trong sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh rau, thịt.

- Các quy phạm thực hành, các hệ thống VietGAP, HACCP, trong sản xuất, kinh doanh rau, thịt bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón trong danh mục được phép sử dụng; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc “4 đúng”.

- Sử dụng thuốc thú y, kháng sinh trong danh mục được phép sử dụng; sử dụng thuốc thú y, thuốc kháng sinh đúng nguyên tắc; sử dụng thức ăn chăn nuôi không chứa chất cấm.

2. Đối với người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP.

- Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.



- Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa.

- Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y tế quy định điều kiện chung bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.

- Các Thông tư của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và của liên bộ về bảo đảm ATTP theo từng lĩnh vực cụ thể.

- Các mô hình, hệ thống quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm như: HACCP (ISO 22000), GMP, GHP, VietGAP, GLOBAL GAP.

### 3. Nhà lãnh đạo, nhà quản lý, chính quyền các cấp:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP.

- Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.

- Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa.

- Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y tế quy định điều kiện chung bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09/11/2012 của Bộ Y tế hướng dẫn việc công bố hợp quy và phù hợp quy định ATTP.

- Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan đến công tác quản lý an toàn thực phẩm của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Công thương.

### 4. Người tiêu dùng thực phẩm:

- Tuyên truyền để người tiêu dùng hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ mình trong an toàn thực phẩm; đặc biệt, quyền khiếu nại, trách nhiệm khai báo, tố giác các hành vi vi phạm an toàn thực phẩm rau, thịt.

- Hướng dẫn cách chọn mua, chế biến, bảo quản và tiêu dùng rau, thịt an toàn.

- Tuyên truyền để người tiêu dùng có thói quen từ chối các cơ sở sản xuất, kinh doanh rau, thịt không đảm bảo an toàn thực phẩm; không chấp nhận những sản phẩm thực phẩm rau, thịt không rõ nguồn gốc hoặc có dấu hiệu ôi thiu, mốc, hỏng; khai báo khi bị ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

### V. CÁC KÊNH TRUYỀN THÔNG:

- Kênh truyền thông đại chúng: Huy động đài phát thanh, truyền hình, báo chí dành nhiều thời gian, thời lượng phát sóng tuyên truyền về ATTP; đặc biệt, phát huy hệ thống đài truyền thanh ở xã, phường, khu phố; tổ chức tọa đàm, đối thoại trực tiếp trên truyền hình, truyền thanh.

- Kênh truyền thông trực tiếp: Tăng cường truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ cán bộ y tế, giáo dục, biên phòng, nông nghiệp phát triển nông thôn, các ban ngành, đoàn thể với các hình thức dễ tiếp thu như hướng dẫn thực hành cụ thể theo nhóm, nói chuyện, hội thảo, hội diễn, hội thi quần chúng, hội thi cộng tác viên tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm rau, thịt...

- Các kênh truyền thông khác: Tùy từng địa phương, phong tục, tập quán, địa bàn dân cư triển khai các hình thức truyền thông phù hợp như băng rôn, khẩu hiệu, triển lãm, hướng dẫn cụ thể bằng cách “cầm tay chỉ việc”.

Đặc biệt, cần huy động sự hưởng ứng tham gia của các tổ chức, cá nhân doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm và các tổ chức, đoàn thể bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cùng tham gia vào các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về các nội dung bảo đảm an toàn thực phẩm rau, thịt.

## **VI. KHẨU HIỆU:**

**1. Nhiệt liệt hưởng ứng Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2015.**

**2. Chính quyền các cấp, các cơ quan chức năng hãy quyết tâm ngăn chặn thực phẩm rau, thịt không an toàn.**

**3. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, kinh doanh, sử dụng thực phẩm không an toàn; gia cầm, sản phẩm gia cầm nhập lậu, không rõ nguồn gốc, chưa qua kiểm dịch.**

**4. Vì sức khỏe người tiêu dùng, không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục được phép sử dụng.**

**5. Vì sức khỏe người tiêu dùng, hãy đảm bảo thời gian cách ly sau khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.**

**6. Vì sức khỏe người tiêu dùng, không sử dụng hóa chất, kháng sinh ngoài danh mục, chất cấm trong chăn nuôi.**

**7. Không sử dụng phẩm màu độc hại, các chất phụ gia, hóa chất ngoài danh mục cho phép trong sản xuất, chế biến thực phẩm.**

**8. Sử dụng rau, thịt mất vệ sinh, không an toàn là tự tìm đến bệnh tật.**

**9. Lựa chọn rau, thịt sạch, rõ nguồn gốc xuất xứ cho bữa ăn ngon, an toàn sức khỏe.**

**10. Chủ động phát hiện hành vi vi phạm an toàn thực phẩm và báo cho cơ quan chức năng gần nhất.**

**11. Để đảm bảo an toàn thực phẩm hãy ăn chín, uống sôi, rửa tay thường xuyên bằng xà phòng.**



**Chỉ tiết triển khai thanh tra, kiểm tra liên ngành  
trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2015**  
(Bổ sung kèm theo Kế hoạch số 1498/KH-UBND ngày 02/4/2015)

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích:**

- Kiểm tra, đánh giá triển khai Tháng hành động vì ATTP năm 2015 của các cấp, các ngành; thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm tập trung vào các thực phẩm là rau, thịt và các sản phẩm chế biến từ rau, thịt.

- Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những bất cập, yếu kém trong công tác quản lý nhà nước về ATTP; phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về bảo đảm ATTP, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm ATTP.

### **2. Yêu cầu:**

- Thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những vấn đề tồn tại trong quản lý, những vi phạm về bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, tiêu dùng thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt.

- Phối hợp làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục các qui định của pháp luật, các kiến thức về bảo đảm ATTP.

- Đảm bảo đúng tiến độ, theo sự chỉ đạo thống nhất của Ban Chỉ đạo liên ngành về VSATTP tỉnh Lâm Đồng.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG**

### **1. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước:**

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo đảm an toàn thực phẩm và phòng chống ngộ độc thực phẩm trong tình hình mới” và triển khai Tháng hành động năm 2015, bao gồm:

+ Tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo liên ngành VSATTP các cấp;

+ Kế hoạch và triển khai Tháng hành động năm 2015;

+ Triển khai các quy định về bảo đảm ATTP tại địa phương.

- Kiểm tra, đánh giá công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và kiến thức về ATTP tại từng địa phương; công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP.

### **2. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt:**

a) Thanh, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo đảm ATTP được quy định tại các văn bản:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP.

- Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y tế quy định điều kiện chung bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 9/11/2012 của Bộ Y tế hướng dẫn việc công bố hợp quy và phù hợp quy định ATTP.

- Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT của liên Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 của liên Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn.

- Các Thông tư của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và của liên bộ về bảo đảm ATTP theo từng lĩnh vực cụ thể.

b) Trong quá trình thanh tra, kiểm tra tập trung xem xét các nội dung:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (đối với những cơ sở thuộc diện phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP).

- Giấy cam kết sản xuất thực phẩm an toàn (đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ).

- Giấy chứng nhận sức khỏe, xác nhận kiến thức ATTP của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Hồ sơ công bố sản phẩm đối với những sản phẩm phải công bố.

- Nhãn sản phẩm đối với những sản phẩm thực phẩm thuộc diện phải ghi nhãn.

- Tài liệu quảng cáo, hồ sơ đăng ký quảng cáo đối với những cơ sở có quảng cáo sản phẩm thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt.

- Hồ sơ theo dõi về chất lượng sản phẩm, phiếu kiểm nghiệm định kỳ đối với sản phẩm thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt có bao gói sẵn, đã qua chế biến.

- Điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt, trang thiết bị, dụng cụ, con người được quy định tại Luật ATTP và Thông tư của các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công thương.

- Quy trình sản xuất, chế biến, bảo quản đối với cơ sở sản xuất thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt.

- Nguồn gốc nguyên liệu, phụ gia thực phẩm.

- Nguồn nước dùng cho chế biến thực phẩm....
- Việc kinh doanh và sử dụng hóa chất, kháng sinh cấm; thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y. Kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y.
- Lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP theo quy định khi cần thiết.

### **III. PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH:**

#### **1. Phương pháp kiểm tra:**

Tiến hành thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại cơ sở sản xuất, kinh doanh rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt; phương pháp kiểm tra được thực hiện:

- Nghe báo cáo việc chấp hành các quy định bảo đảm ATTP của cơ sở.
- Thu thập tài liệu liên quan.
- Kiểm tra thực tế cơ sở thực phẩm, sản phẩm thực phẩm.
- Lấy mẫu để kiểm nghiệm xác định các chỉ tiêu ATTP.
- Lập biên bản thanh tra, biên bản vi phạm hành chính (nếu có).
- Phân tích, đánh giá hồ sơ liên quan ATTP.
- Phân tích, đánh giá kết quả kiểm nghiệm để hoàn thành báo cáo.

Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra, yêu cầu các địa phương, các Đoàn thanh tra, kiểm tra nhận xét, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo đảm an toàn thực phẩm và phòng chống ngộ độc thực phẩm trong tình hình mới” và triển khai Tháng hành động năm 2015 của địa phương; đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật về ATTP trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt; đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý ATTP đối với thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt.

#### **2. Xử lý vi phạm:**

a) Các căn cứ để xử lý vi phạm:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.
- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.
- Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về ATTP.
- Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa.
- Nghị định số 114/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.
- Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

- Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Nghị định số 119/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.

- Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

- Các Nghị định khác quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

b) Thực hiện xử lý vi phạm:

- Các đoàn thanh tra, kiểm tra khi phát hiện vi phạm phải xử lý theo đúng quy định của pháp luật, tuyệt đối không để thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt không bảo đảm ATTP, không rõ nguồn gốc lưu thông trên thị trường, xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân vi phạm về ghi nhãn, quảng cáo thực phẩm. Áp dụng các biện pháp đình chỉ hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm quy định về an toàn thực phẩm, khắc phục hậu quả, tịch thu tang vật, thu hồi, tiêu hủy sản phẩm vi phạm về ATTP (nếu có)

- Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về ATTP theo đúng quy định của pháp luật.

#### **IV. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:**

##### **1. Tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra:**

a) Tại tuyến tỉnh:

Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở: Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và các sở, ngành liên quan tổ chức 02 đoàn thanh, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm tuyến tỉnh, tiến hành kiểm tra tại 12 huyện/thành phố trực thuộc tỉnh, thành phần gồm:

- Ngành Y tế:

+ Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Phòng Y tế các huyện/thành phố.

- Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

+ Chi cục Thú Y.

+ Chi cục Bảo vệ thực vật.

- Ngành Công Thương:

+ Chi cục Quản lý thị trường.

- Ngành Công an: Phòng Cảnh sát môi trường, Công an tỉnh.

Giao cho Sở Y tế thống nhất đơn vị trưởng đoàn, xây dựng kế hoạch kiểm tra chi tiết của 02 đoàn thanh, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm tuyến tỉnh.

**b) Tại các địa phương:**

Tùy tình hình thực tế tại địa phương; căn cứ Kế hoạch triển khai Tháng hành động năm 2015 của tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP các cấp (huyện, xã) tham mưu xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra trên địa bàn, trình UBND các cấp phê duyệt và tổ chức thực hiện.

**2. Lấy mẫu kiểm nghiệm:**

- Việc lấy mẫu và chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm do Trưởng đoàn quyết định trên cơ sở tình hình thực tế nguy cơ mất ATTP tại nơi được thanh tra.

- Ban Chỉ đạo liên ngành VSATTP các tuyến quy định cụ thể việc lấy mẫu và kiểm nghiệm mẫu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra.

**3. Tiến trình thực hiện:**

- Xây dựng kế hoạch thanh, kiểm tra trước ngày 31/3/2015 (địa phương xong trước ngày 05/4/2015).

- Triển khai thanh, kiểm tra từ ngày 15/4/2015 đến ngày 15/5/2015.

**4. Báo cáo kết quả:**

Báo cáo của 02 Đoàn thanh, kiểm tra liên ngành tuyến tỉnh do Chi cục ATVSTP tổng hợp, gửi về Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương vệ sinh an toàn thực phẩm trước ngày 20/5/2015 (phụ lục 4, mẫu 2).

Báo cáo kết quả thanh, kiểm tra trong Tháng hành động của tuyến huyện/thành phố gửi về Chi cục ATVSTP trước ngày 20/5/2015 (phụ lục 4, mẫu 3)

**V. BẢO ĐẢM KINH PHÍ, PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI:**

**1. Tại tuyến tỉnh:**

- Công tác phí cho các thành viên đoàn thanh, kiểm tra liên ngành; kinh phí mua, kiểm nghiệm mẫu thực phẩm do ngành Y tế bảo đảm.

- Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm bảo đảm xe ô tô chở 02 đoàn thanh, kiểm tra đi lại trong từng khu vực được phân công.

**2. Tại các huyện, thành phố:**

- Kinh phí và phương tiện bảo đảm cho công tác thanh tra, kiểm tra do địa phương quy định.

- Sử dụng kinh phí thực hiện theo các quy định hiện hành./.



MẪU 1

Mục 4: MẪU BÁO CÁO  
theo Kế hoạch số 1498/KH-UBND ngày 22/4/2015

UBND...

Tên đơn vị báo cáo

Số:...../BC-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày tháng năm 2015

**PHIẾU BÁO CÁO**  
**“THÁNG HÀNH ĐỘNG VÌ AN TOÀN THỰC PHẨM”**  
(Dùng cho báo cáo kết quả thực hiện  
Tháng hành động vì an toàn thực phẩm của các tuyến)

Kính gửi:.....

**I. Công tác chỉ đạo:**

TT	Nội dung hoạt động	Tuyến xã		Tuyến huyện		Tuyến tỉnh
		Tổng số xã	Số xã có (*)	Tổng số huyện	Số huyện có (*)	
1.	Họp BCD về tháng hành động					
2.	Quyết định, chỉ thị (Ghi rõ người ký)					
3.	Kế hoạch (Ghi rõ người ký)					
4.	Công văn (Ghi rõ người ký)					
5.	Hội nghị triển khai					
6.	Lễ phát động					

\* Ghi chú: Nếu là báo cáo của 1 xã, 1 huyện thì đánh dấu vào ô tương ứng (\*)

**II. Chiến dịch truyền thông:**

TT	Hoạt động	Số lượng/buổi	Số người nghe/ phạm vi bao phủ
1.	Nói chuyện		
2.	Tập huấn		
3.	Hội thảo		
4.	Phát thanh		
5.	Truyền hình		
6.	Báo viết		
7.	Sản phẩm truyền thông:		
	- Băng rôn, khẩu hiệu		
	- Tranh áp - phích		
	- Tờ gấp		



	- Bảng, đĩa hình		
	- Bảng, đĩa âm		
	- Khác:...		
8.			

### III. Chiến dịch kiểm tra, thanh tra:

1. Số đoàn:.....

2. Kết quả kiểm tra, thanh tra:

T T	Cơ sở thực phẩm	Xã				Huyện				Tỉnh			
		TS cơ sở	Số được KT, TTr	Số đạt	Tỉ lệ đạt (%)	TS cơ sở	Số được KT, TTr	Số đạt	Tỉ lệ đạt (%)	TS cơ sở	Số được KT, TTr	Số đạt	Tỉ lệ đạt (%)
1.	Sản xuất chế biến TP												
2.	Kinh doanh tiêu dùng												
3.	Dịch vụ ăn uống												
Cộng (1+2+3)													
4	<b>Số cơ sở vi phạm</b>												
5	Xử lý	- Số CS bị cảnh báo											
		- Số CS bị phạt tiền											
		- Số tiền											
		- Số CS bị hủy SP											
		- Loại SP/SL											
		- Số CS bị đóng cửa											
	- Khác												

### IV. Tình hình ngộ độc thực phẩm:

TT	Chỉ số	Tháng hành động vì ATTP	So với cùng kỳ năm trước
1	Số vụ		
2	Số mắc		
3	Số chết		

### V. Đánh giá chung

1. Ưu điểm:

.....

2. Yếu kém, tồn tại:

.....

3. Kiến nghị:

.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

**MẪU 2****BÁO CÁO****Kết quả thanh tra, kiểm tra trong Tháng hành động năm 2015  
của Đoàn thanh, kiểm tra tuyến tỉnh thực hiện****I. Ghi nhận báo cáo của các địa phương với Đoàn thanh, kiểm tra liên ngành tỉnh :**

1. Công tác chỉ đạo của địa phương.
2. Công tác tuyên truyền, giáo dục.
3. Việc triển khai thực hiện Kế hoạch Tháng hành động năm 2015

**II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm do đoàn Liên ngành tỉnh phối hợp với địa phương thực hiện:****Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra:**

STT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số CS được thanh, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Sản xuất				
2	Sơ chế, chế biến				
3	Kinh doanh				
Tổng số (1 + 2 + 3)					

**Bảng 2. Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm:**

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với tổng số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý		
Trong đó:			
3.1 Hình thức phạt chính			
	Số cơ sở bị cảnh cáo		
	Số cơ sở bị phạt tiền		
	Tổng số tiền bị phạt		
3.2. Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả:			
*	Số cơ sở bị đóng cửa		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm		
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy		
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn		

	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo		
	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác		
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý		
3.4	Số cơ sở vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)		

**Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu:**

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Quy định về sử dụng thuốc BVTV			
2	Quy định về sử dụng chất cấm, thuốc kháng sinh trong chăn nuôi			
3	Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ			
4	Điều kiện về con người			
5	Công bố sản phẩm			
6	Ghi nhãn thực phẩm			
7	Quảng cáo thực phẩm			
8	Chất lượng sản phẩm thực phẩm			
9	Vi phạm khác (ghi rõ)			

**Bảng 4. Kết quả kiểm nghiệm mẫu (phân tích cụ thể):**

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
I	Xét nghiệm tại labo			
1	Hóa lý			
2	Vi sinh			
	Tổng số XN tại labo			
II	XN nhanh			
	Cộng			

### III. Nhận xét, đánh giá chung

(Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng từ 1 – 4) và các kết quả thanh tra, kiểm tra ATTP khác (nếu có).

### IV. Đề xuất kiến nghị (ghi cụ thể)



## BÁO CÁO

**Kết quả thanh tra, kiểm tra trong Tháng hành động năm 2015  
tuyến huyện/ thành phố**

### I. Công tác chỉ đạo :

**II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm** (không bao gồm các cơ sở do đoàn Liên ngành tỉnh thực hiện):

1. Việc tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra :

Tổng số các đoàn thanh, kiểm tra :

1.1 Số đoàn thanh, kiểm tra tuyến huyện :

1.2 Số đoàn kiểm tra tuyến xã :

2. Kết quả kiểm tra :

**Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra:**

STT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số CS được thanh, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Sản xuất				
2	Sơ chế, chế biến				
3	Kinh doanh				
Tổng số (1 + 2 + 3)					

**Bảng 2. Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm:**

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với tổng số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý		
Trong đó:			
3.1 Hình thức phạt chính			
	Số cơ sở bị cảnh cáo		
	Số cơ sở bị phạt tiền		
	Tổng số tiền bị phạt		
3.2. Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả:			
*	Số cơ sở bị đóng cửa		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm		
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy		

*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn		
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu		
	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu		
*	Các xử lý khác		
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý		
3.4	Số cơ sở vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)		

**Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu:**

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được thanh, kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Quy định về sử dụng thuốc BVTV			
2	Quy định về sử dụng chất cấm, thuốc kháng sinh trong chăn nuôi			
3	Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ			
4	Điều kiện về con người			
5	Công bố sản phẩm			
6	Ghi nhãn thực phẩm			
7	Quảng cáo thực phẩm			
8	Chất lượng sản phẩm thực phẩm			
9	Vi phạm khác (ghi rõ)			

**Bảng 4. Kết quả kiểm nghiệm mẫu (phân tích cụ thể):**

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
I	Xét nghiệm tại labo			
1	Hóa lý			
2	Vi sinh			
	Tổng số XN tại labo			
II	XN nhanh			
	Cộng			

### III. Nhận xét, đánh giá chung

(Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng từ 1 – 4) và các kết quả thanh tra, kiểm tra ATTP khác (nếu có).

### IV. Đề xuất kiến nghị (ghi cụ thể)